

Số: /TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

## THÔNG BÁO

### Về việc thu học phí học kỳ Hè năm học 2022-2023 và học phí nợ

Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-ĐHĐT ngày 12/9/2022 của Hiệu trưởng về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo tại Trường; Trường Đại học Đồng Tháp thông báo đến sinh viên nội dung thu học phí học kỳ Hè năm học 2022-2023 và học phí nợ của các học kỳ trước, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng áp dụng:** Sinh viên hệ chính quy, liên thông, văn bằng 2 đang học tại Trường.

#### 2. Thời gian và hình thức nộp học phí

##### 2.1. Thời gian nộp học phí:

- Đối với sinh viên chính quy năm 1, 2, 3: **trước thời gian đăng ký học phần học kỳ Hè và trước ngày 30/6/2023.**

- Đối với sinh viên chính quy năm cuối: **đến hết ngày 27/5/2023.** Sau ngày 27/5/2023, nếu sinh viên chưa hoàn thành nghĩa vụ học phí thì chưa đủ điều kiện được xét tốt nghiệp đợt tháng 6 năm 2023. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp vào những đợt tiếp theo khi hoàn tất nghĩa vụ nộp học phí (theo Thông báo số 1756/TB-ĐHĐT ngày 10/5/2023 V/v Thu học phí học kỳ II năm học 2022-2023 và học phí nợ (nhắc lại)).

- Đối với sinh viên hệ liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng 2: **trước ngày 30/6/2023.** (nếu có đăng ký học phần học kỳ hè hoặc còn nợ học phí):

##### 2.2. Hình thức nộp học phí:

Sinh viên chọn 01 trong 02 cách sau:

##### (1) Chuyển khoản theo đúng cú pháp:

[MSSV] [HỌ TÊN] [SỐ ĐIỆN THOẠI] [HP]

Ví dụ: 001941xxxx NGUYEN VAN A 093979xxxx HP

- Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

- Số tài khoản: **107000802759**

- Mở tại: **Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp**

(Tên viết tắt: **PVCOMBANK**)

**(2) Nộp trực tiếp:**

- Địa điểm: Phòng giao dịch Ngân hàng Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (Dãy kios phía trước khuôn viên Trường từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hằng tuần) và các phòng giao dịch của các Ngân hàng thương mại trên toàn quốc.

- Nội dung nộp tiền: ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp chuyển khoản.

**\*Lưu ý:** Sinh viên chụp lại màn hình giao dịch thành công/giấy nộp tiền tại các điểm giao dịch ngân hàng để đối soát khi cần.

**3. Mức thu học phí:** theo Quyết định số 2370/QĐ-ĐHĐT ngày 12/9/2022 về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp; các lớp vừa làm vừa học tại Trường theo mức thu quy định tại Thông báo số 2198/TB-ĐHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (**đính kèm Thông báo này**).

**4. Số điện thoại hỗ trợ**

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: 0913 755 279 (Cô Mỹ Trinh – Phụ trách chung)

- Ngân hàng Đại chúng Việt Nam – CN Đồng Tháp: 0773 132 163 (Cô Thủy Tiên)

Nhà trường đề nghị các Khoa, Trung tâm Liên kết đào tạo – Bồi dưỡng nghề và các đơn vị, cá nhân liên quan triển khai nội dung thông báo này đến các lớp sinh viên, biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Các Khoa, TT. LKĐT-BDN;
- Ngân hàng PVCOMBANK – CN ĐT;
- Các lớp sinh viên;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Cao Dao Thép**

Số: 2370 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 9 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo  
tại Trường Đại học Đồng Tháp

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTG ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp; Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-ĐHĐT ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐT ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp về việc thống nhất chủ trương về lộ trình thu học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 theo đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 1381/TTr-ĐHĐT ngày 18 tháng 8 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp theo các phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quản lý thu học phí

Phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp với các khoa, các đơn vị liên quan thông báo mức học phí và chủ trì cấp hóa đơn/biên lai thu đúng quy định của Nhà trường.



**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính và Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*luu*

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hồ Văn Thống**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 1

MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỔI VỚI SINH VIÊN KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1870/DHĐT ngày 18/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/tin chi

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học					Tổng học phí toàn khóa
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026		
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm (đổi với sinh viên học lại, học cải thiện)	310	370	450	530	-	
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	310	370	450	530	49,800	
3	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường	330	400	480	570	53,400	
4	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin	360	430	520	620	57,900	
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh	300	400	470	570	52,200	

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

lu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 2

MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRẢ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỰ PHẠM KHỎA TUYỂN SINH NĂM 2021, 2022  
THUỘC ĐỐI TƯỢNG NỘP HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 2570/DHDT ngày 28/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học				
			2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	8,820	9,375	10,575	11,925	13,425

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

W

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 3

MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỰ PHẠM KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2022  
NHẬN ĐẶT HÀNG ĐÀO TẠO THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 2370/ĐHDT ngày 18/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	12,500	14,100	15,900	17,900

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

W

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 4

MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC, VÀN BẢNG 2  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỌC VIÊN KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2370/ĐHDT ngày 19/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

1. Đối với các lớp mở tại Trường

1. Học phí áp dụng đối với các lớp từ 20 học viên

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	10,300	13,700	17,800	22,800
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	10,300	13,700	17,800	22,800
3	Khối ngành IV: Khoa học sư sồng, khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường	11,100	14,800	19,200	24,600
4	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin	11,900	15,900	20,800	26,600
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh	9,900	14,600	19,000	24,300

2. Học phí áp dụng đối với các lớp dưới 20 học viên

Mức thu học phí theo mức thỏa thuận với người học nhưng không vượt quá 1,5 lần mức thu học phí chính quy cùng khối ngành.



## II. Đối với các lớp mở tại các đơn vị liên kết đào tạo

- Mức thu học phí theo thỏa thuận giữa Nhà trường với đơn vị liên kết đào tạo nhưng không vượt quá 1,5 lần mức thu học phí chính quy cùng khối ngành.
- Mức thu học phí của từng năm học thể hiện rõ trong hợp đồng đào tạo ký kết giữa Nhà trường với đơn vị liên kết đào tạo.

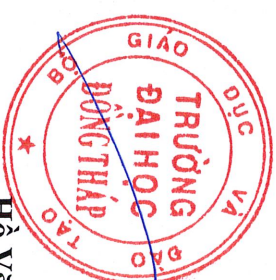
## III. Học phí học lại

Học phí học lại = Tổng số thu học phí toàn khóa/(chia) Tổng số tín chỉ của toàn khóa học theo kế hoạch học tập chuẩn.

## IV. Số năm học học viên phải nộp học phí

Số năm học học viên phải nộp học phí tối đa bằng với số năm học theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Học viên học tập ở năm học nào thì nộp theo mức học phí của năm học ấy. *lll*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hồ Văn Thông**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 5  
MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU SINH/HỌC VIÊN KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2370 /ĐHDT ngày 12 / 9 /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

I. Đào tạo Thạc sĩ

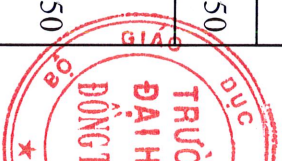
1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục; Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học); Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	18,750	21,150	23,850	26,850
2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Hóa lý thuyết và hóa lý	20,250	22,800	25,650	28,950
3	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Ngôn ngữ Việt Nam; Lịch sử Việt Nam	18,000	22,500	25,350	28,650

2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà học viên chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn cùng khối ngành.



## II. Đào tạo Tiến sĩ

### 1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

DVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục	31,250	35,250	39,750	44,750

### 2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà Nghiên cứu sinh chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn cùng khối ngành.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hồ Văn Thông**

